

Bản án số: **324/2018/KDTM-PT**

Ngày: 28/3/2018

V/v “tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đức Vân Hồng.

Bà Bùi Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Phượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Châu Hiệp Phát – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2017/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2017 về: “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

Do Bản án sơ thẩm số 89/2017/KDTM-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 879/2018/QĐ-PT ngày 01/3/2018, giữa:

Nguyên đơn: Công ty H1

Trụ sở: E14 NO, Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông HAĐ, chức danh: CT.HĐTV

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Hoàng Tiến L,

2/ Ông Nguyễn Xuân T.

Địa chỉ liên lạc: E14 NO, Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền số 09/2017/GUQ-HG ngày 27/12/2017

Bị đơn: Công ty TNHH H2

Trụ sở: 197 HV, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn V, chức danh: Giám đốc

Địa chỉ: 197 HV, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng: Ông Lê Hoàng Tr, sinh năm 1964; Địa chỉ cư trú: Số 4 Đường số 43, phường BTĐ B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: E14 NO, Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kháng nghị: Ngày 29/9/2017, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 12/QĐ-KNPT- DS ngày

29/9/2017 đối với Bản án sơ thẩm số 89/2017/KDTM-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

- Đại diện nguyên đơn trình bày:

Công ty H1(Bên bán sơn, bên cho mượn máy) với Công ty TNHH H2 (chuyên đổi từ Hộ kinh doanh Hùng Vinh - Bên mua sơn, bên mượn máy) đã ký kết và thực hiện các hợp đồng, như sau:

Hợp đồng mượn tài sản số 14/HĐMTS-HG và Phụ lục Hợp đồng số 14/01/PLHĐ-HG cùng ngày 17/01/2012, theo đó Công ty TNHH H2 đã được giao nhận Hệ thống máy pha màu tự động từ Công ty H1, và có ký quỹ 50.000.000 đồng. Đến ngày 22/3/2014, Hệ thống máy pha màu tự động đã được giao trả lại cho Công ty H1(ông Lê Hoàng Tr là nhân viên được công ty cử đi nhận lại máy) tại Biên bản giao nhận ngày 22/3/2014.

Hợp đồng mua bán số 007.D/HĐMB-HG và Phụ lục hợp đồng mua bán số 007.D/01/PLHĐMB-HG cùng ngày 01/11/2012; với Hợp đồng mua bán số 1004.B/HĐMB-HG và Phụ lục Hợp đồng mua bán số 1004.B/01.PLHĐMB-HG cùng ngày 12/12/2013; và Biên bản đối chiếu xác nhận, nhận và cam kết trả nợ ngày 24/3/2014, theo đó tính đến ngày 24/3/2014, Công ty TNHH H2 còn nợ Công ty H1tiền mua sơn và bột trét là: 113.917.086 đồng, thời hạn thanh toán chậm nhất trước ngày 31/12/2014 (Nếu chậm thanh toán phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam). Sau khi khấu trừ tiền ký quỹ mượn máy 50.000.000 đồng, nợ tiền hàng còn lại là: 63.917.086 đồng (113.917.086 đồng - 50.000.000 đồng).

Đơn khởi kiện (Tòa án nhận đơn ngày 26/4/2016) của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Hoàng Gia, yêu cầu Công ty TNHH H2 thanh toán nợ gốc 63.917.086 đồng và lãi chậm thanh toán đến ngày xét xử, thời hạn thanh toán 01 tháng kể từ ngày xét xử, hết thời hạn trên mà không trả hết nợ thì lãi sẽ được tính tiếp theo kể từ ngày 20/10/2017 đến khi trả hết nợ.

Bị đơn Công ty TNHH H2 do ông Nguyễn Văn Vinh đại diện theo pháp luật trình bày (Tại bản tự khai ngày 06/9/2016 cùng các lời trình bày trong quá trình tố tụng):

Bị đơn xác nhận có mua sơn và bột trét, có mượn và đã giao trả hệ thống máy pha màu tự động của nguyên đơn theo các hợp đồng như nguyên đơn trình bày; xác nhận nợ tiền hàng của nguyên đơn là 113.917.086 đồng tiền và cam kết thanh toán tại Biên bản đối chiếu xác nhận, nhận và cam kết trả nợ ngày 24/3/2014 như nguyên đơn trình bày. Số tiền bị đơn ký quỹ mượn máy là 50.000.000 đồng, nhưng máy có trục trặc kỹ thuật không sử dụng được. Nguyên đơn sau khi nhận lại máy để bảo trì đã không lắp đặt lại, không nhận lại sơn theo yêu cầu của bị đơn (vì số sơn còn lại này nếu không có máy sơn sẽ bị hư). Bị đơn yêu cầu nguyên đơn đổi chất về số tiền ký quỹ mượn máy và số lượng sơn (nhận lại) nhưng không kết quả. Quá trình bị đơn làm việc với ông Lê Hoàng Tr (Ông Trung nhận lại máy để bảo trì nhưng không lắp đặt lại), nên yêu cầu triệu tập ông Trung. Bị đơn yêu cầu chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Mê Thuột giải quyết theo thẩm quyền nơi ký hợp đồng và trụ sở của bị đơn.

- Người làm chứng là ông Lê Hoàng Tr trình bày: (Tại bản tự khai ngày 19/8/2016):

Ông là nhân viên Công ty H1, phụ trách kinh doanh, quản lý thị trường khu vực Đắc Lắc, trong đó có Công ty H2. Ngày 09/01/2014 ông có làm việc với bị đơn theo thông báo của nguyên đơn về việc bị đơn không đạt doanh số sơn gốc theo hợp đồng đã ký thì được ông Vinh báo là máy đã hỏng nên ông thực hiện thu hồi máy. Khi thu hồi máy, ông có lập Biên nhận ngày 22/3/2014, do ông Vinh yêu cầu phải ghi là sau 30 ngày không chuyển lại máy thì công nợ bằng không thì ông Vinh mới ký. Việc này ông đã báo cáo với Công ty H1, nên ngày 24/3/2014 hai bên đã lập Biên bản đối chiếu, xác nhận, nhận và cam kết trả nợ số 001/0214/BBNN-HG.

Bản án sơ thẩm số 89/2017/KDTM-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Thương mại năm 2005, Bộ luật dân sự năm 2005; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty H1.

1.1 Buộc bị đơn là Công ty H2 có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là Công ty H1 số tiền 88.932.188 (Tám mươi tám triệu chín trăm ba mươi hai nghìn một trăm tám mươi tám) đồng (trong đó, số tiền mua hàng chưa thanh toán là 63.917.086 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 25.015.102 đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 01 (một) tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

1.2 Kể từ ngày 20/10/2017, nếu Công ty H2 chưa thanh toán khoản nợ gốc 63.917.086 đồng cho Công ty H1 thì Công ty H2 còn phải tiếp tục thanh toán cho Công ty H1 khoản tiền lãi chậm thanh toán của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Lãi suất mà Công ty H2 phải tiếp tục thanh toán cho Công ty H1 sẽ được tính theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam áp dụng là $150\% \times 9.5\%/năm$.

2. Án phí sơ thẩm:

Công ty H2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.446.609 (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ chín) đồng.

Trả lại cho Công ty H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp (2000000 đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006892 ngày 05/05/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo giải thích quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự, và quyền kháng nghị của Viện kiểm sát.

- Ngày 29/9/2017 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 12/QĐ-KNPT- DS ngày 29/9/2017 đối với Bản án sơ thẩm số 89/2017/KDTM-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn và ông Lê Hoàng Tr đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 12/QĐ-KNPT- DS ngày 29/9/2017 đối với Bản án sơ thẩm số 89/2017/KDTM-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Lý do: Việc giải quyết về lãi chậm trả trong tranh chấp mua bán hàng hóa đã được quy định tại Điều 306 của Luật thương mại nên căn cứ án lệ về tranh chấp tín dụng là sai. Việc buộc trả lãi chậm trả trong thời gian bản án chưa có hiệu lực là không phù hợp, và đề nghị sửa bản án sơ thẩm như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng xét xử vắng mặt đương sự:

Đối với bị đơn Công ty TNHH H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo Điều 227, 233 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận G:

Tòa án vận dụng án lệ tín dụng để giải quyết yêu cầu tính lãi chậm trả liên tục trong thời gian bản án chưa có hiệu lực pháp luật là không phù hợp, vì nợ mua bán hàng hóa đã có luật quy định tại Điều 306 của Luật thương mại năm 2005.

Xét thấy: Từ năm 2012, giữa nguyên đơn và bị đơn đã có quan hệ hợp đồng về mua bán hàng hóa và mượn tài sản máy móc như đã nêu ở phần nội dung, với kết quả thực hiện hợp đồng còn tồn đọng một khoản nợ theo biên bản đối chiếu của hai bên đã được bản án sơ thẩm tuyên bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tổng cộng 88.932.188 đồng phần này không có kháng cáo kháng nghị nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm.

Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm vận dụng án lệ tín dụng để giải quyết yêu cầu tính lãi chậm trả liên tục trong thời gian bản án chưa có hiệu lực pháp luật (Còn trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị) là không phù hợp, vì nợ mua bán hàng hóa đã có luật quy định tại Điều 306 của Luật thương mại năm 2005, nên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm về phần này.

Ngoài ra căn cứ hồ sơ doanh nghiệp của bị đơn thì phần tên không có chữ “Dịch vụ” nên cần thiết chỉnh sửa lại cho đúng.

Những phần khác của bản án không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật thương mại năm 2005. Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Luật thi hành án dân sự.

1. Sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty H1.

Buộc Công ty TNHH H2 thanh toán cho Công ty H1 88.932.188 (Tám mươi tám triệu chín trăm ba mươi hai nghìn một trăm tám mươi tám) đồng (trong đó nợ gốc tiền hàng 63.917.086 đồng, và 25.015.102 đồng lãi chậm thanh toán).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH H2 phải nộp án phí sơ thẩm là 4.446.609 (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ chín) đồng; Hoàn lại cho Công ty H1 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0006892 ngày 05/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Đã được sửa, đổi bổ sung một số điều năm 2014).

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.G;
- Chi cục THADS Q.G;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà